TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HAI BÀ TRƯNG** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 08/2021/QĐST-HNGĐ	Hai Bà Trưng, ngày 14 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRƯNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ vào Điều 29; khoản 2 Điều 39; Điều 149; Điều 212 và Điều 213; Điều 396; Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 07 tháng 01 năm 2021;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số: 02/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: Anh P.T.D – sinh năm 1981

Và Chị T.T.T.V – sinh năm 1981

Cùng hộ khẩu thường trú và trú tại: phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về hôn nhân:

Anh P.T.D và chị T.T.T.V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 18/10/2005 tại UBND phường Hương Sơn, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Đây là kết hôn lần thứ nhất của anh chị. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm lối sống, tính cách không hợp nhau nên cuộc sống không có hạnh phúc. Anh chị đã cố gắng nói chuyện với nhau và được gia đình

hai bên hòa giải nhưng không hàn gắn được tình cảm. Hiện vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018.

Nay anh P.T.D và chị T.T.T.V cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, cùng thống nhất thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung:

Anh P.T.D và chị T.T.T.V thống nhất xác nhận vợ chồng có 02 con chung là P.V.H, sinh ngày 18/05/2006 và P.T.H.P, sinh ngày 08/01/2014. Ly hôn anh chị thống nhất thỏa thuận giao cả 02 con chung P.V.H và P.T.H.P cho chị T.T.T.V trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng: Anh D, chị V thống nhất thỏa thuận anh D có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung 20.000.000 đồng/tháng (Mỗi cháu 10.000.000 đồng/tháng).

[3]. Về tài sản chung và nhà ở chung:

Anh P.T.D và chị T.T.T.V thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về công nợ chung:

Anh P.T.D và chị T.T.T.V xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí:

Anh P.T.D tự nguyện chịu cả 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân:

*** Về tình cảm:** Anh P.T.D và chị T.T.T.V cùng thuận tình ly hôn.

*** Về con chung:**

Anh P.T.D và chị T.T.T.V thống nhất xác nhận vợ chồng có 02 con chung là P.V.H, sinh ngày 18/05/2006 và P.T.H.P, sinh ngày 08/01/2014. Công nhận sự thỏa thuận của hai bên giao cả 02 con chung P.V.H và P.T.H.P cho chị T.T.T.V trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, kể từ tháng 01/2021 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc tới khi anh chị có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng: Anh D, chị V thống nhất thỏa thuận anh D có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung 20.000.000 đồng/tháng (Mỗi cháu 10.000.000 đồng/tháng).

Anh D có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm hỏi, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

*** Về tài sản chung và nhà ở chung:**

Anh P.T.D và chị T.T.T.V thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

*** Về công nợ chung:**

Anh P.T.D và chị T.T.T.V thống nhất xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án :

Anh P.T.D tự nguyện chịu cả 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 0003876 ngày 29/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng – Thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND P.Hương Sơn, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.
(Số 68, quyển 01/2005)
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Tú